

Số: MB/QT-CTSV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 8 năm 2024

## QUY TRÌNH XÉT MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

### 1. Các căn cứ thực hiện Miễn giảm học phí và chế độ chính sách.

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP;

Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC của Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo: Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg;

Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm;

Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg, ngày 23 tháng 12 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Thông tư liên tịch số 53/1998/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25 tháng 8 năm 1998 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập;

Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg, ngày 21 tháng 12 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh mức học bổng chính sách và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các trường đào tạo công lập quy định tại Quyết định số 1121/1997/QĐ-TTg;

Thông tư liên tịch số 13/2002/TTLT-BGDĐT-BTC, ngày 28 tháng 3 năm 2002 của liên tịch Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 194/2001/QĐ-TTg;

Thông tư liên tịch số 18/2009/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 03 tháng 8 năm 2009 của liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã



hội, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 4 mục I Phần II Thông tư Liên tịch số 53/1998/TTLT/BGD&ĐT-BTC-BLDTB&XH;

Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT, ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo Quyết định về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

#### **a. NGHỊ ĐỊNH 81 MIỄN GIẢM HỌC PHÍ, CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH.**

Sinh viên thuộc diện giảm học phí, chế độ chính sách (Con thương binh, con bệnh binh, con người hưởng chính sách như thương binh, sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ, sinh viên tàn tật/khuyết tật khó khăn về kinh tế, sinh viên dân tộc thiểu số hộ nghèo/hộ cận nghèo, sinh viên người dân tộc thiểu số ở vùng kinh tế khó khăn, con Cán bộ viên chức bị tai nạn nghề nghiệp được nhận trợ cấp thường xuyên...) được quy định tại Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ.

Sinh viên hoàn tất hồ sơ xét miễn, giảm học phí ở học kỳ nào thì được hưởng miễn, giảm học phí ở học kỳ đó. Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc diện được miễn, giảm học phí đối với môn học **lần đầu**, trong khung chương trình đào tạo, cho 2 học kỳ chính (10 tháng).

**Lưu ý:** Sinh viên diện miễn, giảm học phí tạm dừng học tập, khi xin học trở lại phải làm đơn xin tiếp tục hưởng chế độ miễn, giảm học phí (đơn theo mẫu chung và ghi rõ diện tạm dừng, nay xin học trở lại).

#### **b. NGHỊ ĐỊNH 116 DÀNH CHO SINH VIÊN SỰ PHẠM**

Theo Nghị định số 116/NĐ-CP ký ngày 25/9/2020 sinh viên sự phạm được miễn học phí và được hỗ trợ sinh hoạt phí 3,63 triệu/tháng, thời gian xét hỗ trợ tối đa không quá 10 tháng.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng tuyển, sinh viên sự phạm nộp Đơn đề nghị hưởng và cam kết bồi hoàn học phí, chi phí sinh hoạt đến cơ sở đào tạo giáo viên.

Sinh viên được xét miễn giảm học phí từ đầu năm học, Sinh hoạt phí sinh viên sẽ được tiếp nhận từ đầu năm, **cuối học kỳ căn cứ số tháng thực học sẽ chi trả sinh hoạt phí vào tài khoản sinh viên.**

Sinh viên chỉ nộp 01 bộ hồ sơ cho 01 lần đầu đề nghị hỗ trợ trong cả thời gian học tại cơ sở đào tạo giáo viên.

#### **c. NGHỊ ĐỊNH 57 SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ RẤT ÍT NGƯỜI**

Sinh viên thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người: O Đu, Brâu, Rơ Măm, Pu Péo, Si La, Ngái, Cống, Bô Y, Cơ Lao, Lô Lô, Mảng, Lự, Chứt, Pà Thẻn, La Ha, La Hủ.

Sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người học tại các trường, khoa dự bị đại học, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng x 12 tháng.

Sinh viên thuộc diện hỗ trợ học tập chỉ phải nộp hồ sơ 01 lần vào đầu năm học và phải đối chiếu từng học kỳ. Số năm được hưởng trợ cấp được tính là thời gian đào tạo chính thức tại trường.



#### d. QUYẾT ĐỊNH 66 SINH VIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ THUỘC HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước, thi đỗ vào học đại học, cao đẳng hệ chính quy tại các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng.

Mức hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương tối thiểu chung và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên. Thời gian cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập được thực hiện 2 lần trong năm học: **lần 1 cấp cho 5 tháng** vào tháng 10 hoặc tháng 11 hàng năm; **lần 2 cấp cho 5 tháng** vào tháng 3 hoặc tháng 4 năm sau.

Sinh viên thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải nộp hồ sơ 01 lần vào đầu năm học và phải đối chiếu từng học kỳ. Số năm được hưởng trợ cấp được tính là thời gian đào tạo chính thức tại trường.

#### e. QUYẾT ĐỊNH SỐ 1121 SINH VIÊN NHẬN TRỢ CẤP XÃ HỘI

Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội là học sinh, sinh viên đang học tại các trường đào tạo công lập, hệ chính quy, dài hạn - tập trung thuộc các diện sau đây:

1. Người dân tộc ít người ở vùng cao.
2. Người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.
3. Người tàn tật theo quy định chung của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế.
4. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập.

*Mức hỗ trợ:*

*Các đối tượng 1 hưởng mức trợ cấp xã hội là 140.000 đồng/tháng.*

*Các đối tượng 2,3,4 hưởng mức trợ cấp xã hội là 100.000 đồng/tháng.*

#### 2. ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ VÀ HỒ SƠ THEO TỪNG ĐỐI TƯỢNG

##### a. NGHỊ ĐỊNH 81 - MIỄN GIẢM HỌC PHÍ

Đối tượng được xét	Hồ sơ bao gồm
<ul style="list-style-type: none"><li>- Đối tượng 1: Sinh viên là Con thương binh, con bệnh binh, con người hưởng chính sách như thương binh,...</li><li>- Đối tượng 2: Sinh viên khuyết tật, tàn tật có khó khăn về kinh tế.</li><li>- Đối tượng 3: Sinh viên từ 16-22 tuổi mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.</li><li>- Đối tượng 4: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.</li><li>- Đối tượng 5: Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người.</li><li>- Đối tượng 6: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền (Được giảm 70% học phí).</li><li>- Đối tượng 7: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đơn xin miễn, giảm học phí (NĐ81_mẫu đơn 05).</li><li>- Bản sao giấy khai sinh.</li><li>- Bản sao căn cước công dân đã công chứng và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú.</li><li>- Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng miễn, giảm học phí theo từng đối tượng.</li><li>- Các giấy tờ khác có liên quan.</li><li>- Riêng đối tượng 7: Nộp thêm bản photo sổ nhận trợ cấp thường xuyên của bố hoặc mẹ.</li></ul>



<p>lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên (<i>Được giảm 50% học phí</i>).</p>	
<p><b>b. NGHỊ ĐỊNH 116 – MIỄN HỌC PHÍ VÀ HỖ TRỢ SINH HOẠT PHÍ</b></p>	
<p>- Đối tượng 1. Sinh viên học ngành Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp          - Đối tượng 2. Sinh viên ngành Giáo dục mầm non (hệ Cao đẳng)          - Đối tượng 3. Sinh viên ngành Giáo dục mầm non (hệ Đại học)  <i>Sinh hoạt phí sinh viên sẽ được tiếp nhận từ đầu năm, cuối học kỳ căn cứ số tháng thực học sẽ chi trả sinh hoạt phí vào tài khoản sinh viên.</i></p>	<p>- Đơn đề nghị hưởng và cam kết bồi hoàn học phí, chi phí sinh hoạt đến cơ sở đào tạo giáo viên (<i>NĐ116_mẫu đơn 01</i>).          - Bản sao căn cước công dân đã công chứng và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú.          - Bản photo giấy báo trúng tuyển  <i>Lưu ý: sinh viên chỉ cần nộp đơn cam kết bồi hoàn một lần khi bắt đầu vào học.</i></p>
<p><b>c. NGHỊ ĐỊNH 57 – HỖ TRỢ HỌC TẬP</b></p>	
<p>- Đối tượng sinh viên thuộc 16 dân tộc thiểu số rất ít người: Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Pu Péo, Si La, Ngái, Cồng, Bô Y, Cơ Lao, Lô Lô, Mảng, Lự, Chứt, Pà Thên, La Ha, La Hủ được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng x 12 tháng.  <i>Hỗ trợ học tập sẽ được tiếp nhận từ đầu năm, cuối học kỳ căn cứ số tháng thực học sẽ chi trả hỗ trợ học tập vào tài khoản sinh viên.</i></p>	<p>- Đơn đề nghị hỗ trợ học tập (<i>NĐ57_Mẫu 02</i>)          - Bản sao căn cước công dân đã công chứng và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú.          - Bản photo giấy báo trúng tuyển  <i>Lưu ý sinh viên chỉ cần nộp đơn đề nghị hỗ trợ học tập một lần khi bắt đầu vào học.</i></p>
<p><b>d. QUYẾT ĐỊNH 66 – HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP</b></p>	
<p>- Đối tượng sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước.  <i>Hỗ trợ chi phí học tập sẽ được tiếp nhận từ đầu năm, cuối học kỳ căn cứ số tháng thực học sẽ chi trả hỗ trợ chi phí học tập vào tài khoản sinh viên.</i></p>	<p>- Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập (<i>QĐ66_Mẫu 01</i>).          - Bản sao có công chứng Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo do ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cấp.          - Bản sao có công chứng Giấy khai sinh.          - Bản photo giấy báo trúng tuyển.</p>
<p><b>e. QUYẾT ĐỊNH 1121 - TRỢ CẤP XÃ HỘI</b></p>	
<p>Đối tượng 1: Sinh viên là người dân tộc ít người ở vùng cao, vùng sâu, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có hộ khẩu thường trú ít nhất 3 năm trở lên (tính đến thời điểm vào học tại trường).</p> <p>Đối tượng 2: Sinh viên mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa, không có người đỡ đầu chính thức, không có nguồn chu cấp thường xuyên.</p> <p>Đối tượng 3: Sinh viên là người tàn tật (theo quy định của Nhà nước tại Nghị định số 81/CP ngày 23/11/1995 là những người gặp khó khăn về kinh tế, khả năng lao động bị suy giảm từ 41% trở lên do tàn tật, được Hội đồng y khoa có thẩm quyền xác định).</p> <p>Đối tượng 4: Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế, vượt khó học tập và gia đình thuộc diện hộ nghèo.</p>	<p>- 01 Tờ khai trợ cấp xã hội (<i>QĐ 1121_Mẫu 01</i>).          - Bản sao căn cước công dân đã công chứng và được cấp mã số định danh cá nhân, thông tin về nơi thường trú.          - Bản sao có công chứng Giấy khai sinh.          - Bản photo giấy báo trúng tuyển.          - Tùy theo đối tượng sinh viên cần bổ sung thêm các mẫu xác nhận:  <i>Đối tượng 1: Đơn xác nhận của chính quyền địa phương (Tham khảo mẫu: 02/TCXH).</i>  <i>Đối tượng 2: Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ. (Tham khảo mẫu: 03/TCXH)</i>  <i>Đối tượng 3: Biên bản giám định y khoa và xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường về hoàn cảnh kinh tế khó khăn.</i>  <i>Đối tượng 4: Giấy chứng nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận (Tham khảo mẫu: 04/TCXH).</i></p>



*Lưu ý:*

- Thời gian công chứng/bản sao chưa quá 06 tháng đến ngày nộp hồ sơ.
- Mỗi sinh viên đủ điều kiện xét duyệt nộp 2 bộ hồ sơ.
- Sinh viên thuộc đối tượng nào thì chuẩn hồ sơ đúng theo đối tượng được xét.

### **3. QUY TRÌNH**

Bước 1: Thông báo thời gian nhận hồ sơ Miễn giảm học phí, chế độ chính sách theo từng học kỳ (Phòng Công tác sinh viên).

Bước 2: Nộp hồ sơ đầy đủ tại Phòng Công tác sinh viên/Ban công tác sinh viên (Sinh viên chuẩn bị).

Bước 3: Tổng hợp hồ sơ. (Phòng công tác sinh viên phối hợp Phòng đào tạo kiểm tra Đăng ký môn học và quá trình học của sinh viên).

Bước 4: Họp hội đồng xét miễn giảm học phí. (Ban giám hiệu, Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch tài chính, Phòng Thanh tra).

Bước 5: Danh sách dự kiến (sinh viên kiểm tra website, email sinh viên, CVHT...).

Bước 6: Công bố Quyết định miễn giảm học phí (Phòng Công tác sinh viên).

Bước 7: Thực hiện việc Miễn giảm học phí và chi trả hỗ trợ chi phí học tập/sinh hoạt phí cho sinh viên vào cuối học kỳ qua tài khoản ngân hàng của sinh viên (Phòng Kế hoạch tài chính).

*Nơi nhận:*

- BGH (để b/c);
- P.KHTC, P.ĐT, PHNT, PHGL;
- Lưu: HC, CTSV.

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN**



**Đặng Kiên Cường**